

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN ĐỘNG
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án: 07/2021/HNGĐ-ST

Ngày 3 - 8 - 2021

V/v ly hôn giữa chị P
và anh B

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG - TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Biên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Ngát.

2. Bà Hoàng Thị Chung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phụng, thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Minh Đức - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 3 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2020/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXX-ST ngày 26 tháng 4 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2021/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2021; Thông báo mở lại phiên tòa số: 03/2021/TB-TA ngày 28/6/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16/7/2021 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Lý Thị P, sinh năm 1993, có mặt.

- Địa chỉ: Thôn L, xã A, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

*** Bị đơn:** Anh Hoàng Văn B, sinh năm 1988, vắng mặt.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Bà Nguyễn Thị B1, sinh năm 1968, vắng mặt.

- Điều tại địa chỉ: Tổ dân phố K, thị trấn A, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn và các lời khai tiếp theo tại Tòa án chi lý Thị P trình bày: Chị kết hôn với anh Hoàng Văn B ngày 15/12/2011 trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện thỏa thuận đi đến cuộc sống chung, vợ chồng cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã A (nay là thị trấn A), huyện S, tỉnh Bắc Giang. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống cùng nhau ngay, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc.

Mâu thuẫn vợ chồng: Phát sinh khoảng tháng 12/2019, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm lối sống, không thống nhất được với nhau trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Khi chị đi làm công nhân tại Khu công nghiệp Vân Trung thì anh B nghi ngờ chị có quan hệ với người đàn ông khác, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, trầm trọng, sau đó anh B đã bỏ nhà đi làm thuê tại Thành phố Bắc Giang, không rõ địa chỉ nào trong thành phố Bắc Giang, dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ cuối tháng 12/2019. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh B được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Hoàng Thanh T, sinh ngày 8/7/2011, kể từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay anh B vẫn nuôi dưỡng con chung và ở cùng bố mẹ đẻ anh B là bà Nguyễn Thị B1. Chị đề nghị giữ nguyên việc nuôi con như hiện nay, tức là giao con chung cho anh B nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị đi làm công nhân cũng không có khả năng chăm sóc nuôi dưỡng con chung, khi anh B không có mặt tại gia đình thì bà Nguyễn Thị B1 chăm sóc, quản lý, giáo dục cháu T. Chị không đề nghị Tòa án giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, không liên quan vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và công nợ.

Tại biên bản làm việc ngày 10/12/2020 và các lời khai tiếp theo người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B1 là mẹ đẻ anh Hoàng Văn B trình bày: Sau khi nhận được Thông báo thụ lý vụ án số: 113/TB-TLVA ngày 23/10/2020 và giấy triệu tập của Tòa án yêu cầu anh B có mặt tại Tòa án huyện Sơn Động để giải

quyết việc chị Lý Thị P xin ly hôn. Bà B1 đã điện thoại thông báo cho anh Hoàng Văn B được biết, anh B có nói lại với bà là anh đã biết việc chị P xin ly hôn, nhưng anh B không về giải quyết ly hôn với chị P. Bà hỏi địa chỉ ở thành phố Bắc Giang nơi anh B làm thuê nhưng anh B nói đi làm thuê không có địa chỉ cố định do vậy bà không biết anh B đang ở chỗ nào của Thành phố Bắc Giang. Bà B1 đã thông báo cho anh B biết giấy triệu tập của Tòa án, thông báo cho anh B biết về ngày công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải, ngày xét xử vụ án. Anh B không về và đề nghị Tòa giải quyết việc ly hôn của anh và chị P theo quy định pháp luật. Do vậy Tòa án không thể tiến hành làm việc với anh Hoàng Văn B được.

Hiện tại con chung là cháu Hoàng Thanh T, sinh ngày 8/7/2011 anh B vẫn đang nuôi dưỡng, bà là người trực tiếp quản lý, nuôi dưỡng và đưa đón cháu đi học, hàng tháng anh B vẫn gửi tiền cho vợ chồng bà khoảng từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng/tháng để nuôi con ăn học. Anh B đề nghị được giao con chung cho anh nuôi dưỡng, không yêu cầu chị P đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung, anh B cũng xác định vợ chồng không có tài sản và không liên quan vay nợ chung.

Bà Nguyễn Thị B1 đề nghị Tòa án giao cháu T cho anh B nuôi dưỡng, bà sẽ có trách nhiệm nuôi dưỡng, quản lý, chăm sóc giáo dục cháu T khi anh B không có mặt tại gia đình.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/12/2020 cháu Hoàng Thanh T trình bày: Cháu là con của bố Hoàng Văn B và mẹ Lý Thị P, hiện cháu đang sống cùng bố và ông bà nội. Trong trường hợp bố mẹ không chung sống cùng nhau thì đề nghị Tòa án giao cháu cho bố B nuôi dưỡng, nếu cháu ở với bố sẽ đảm bảo cho việc ăn học và chăm sóc.

Tại biên bản làm việc ngày 28/4/2021 UBND thị trấn A xác định: Anh Hoàng Văn B và chị Lý Thị P là vợ chồng có nhà riêng nhưng ở cùng một mảnh đất với gia đình bà Nguyễn Thị B1 và ông Hoàng Văn B2 là bố mẹ đẻ anh B, anh B chị P có 01 con chung là cháu Hoàng Thanh T, cháu T đang ở cùng anh B và do bố mẹ đẻ anh B là bà Nguyễn Thị B trực tiếp chăm sóc. Hiện chị P và anh B đều không có mặt tại địa phương, thì thoảng một vài tháng anh B mới về gia đình ở một đến hai ngày rồi

lại đi ngay. Theo quan điểm của địa phương nếu giao con chung cho anh B nuôi dưỡng thì sẽ đảm bảo vì bà B1 vẫn là người nuôi dưỡng cháu T đầy đủ, chị P ít quan tâm đến con chung. Gia đình bà B1 thì ông Hoàng Văn B2 sức khỏe yếu, không lao động được, bà B1 là lao động chính và quyết định mọi việc trong gia đình.

Tại phiên toà chị Lý Thị P vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh Hoàng Văn B được ly hôn, chị đề nghị giao con chung cho anh B nuôi dưỡng, về nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản và công nợ chung không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Anh Hoàng Văn B và bà Nguyễn Thị B1 đều vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên toà, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng thủ tục tố tụng; tại phiên toà, Hội đồng xét xử tiến hành đúng trình tự, thủ tục của phiên toà sơ thẩm; nguyên đơn chị Lý Thị P, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo pháp luật quy định; bị đơn anh Hoàng Văn B, bà Nguyễn Thị B1 không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 - Luật Hôn nhân và Gia đình. Khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lý Thị P và anh Hoàng Văn B được ly hôn.

Về con chung: Giao anh Hoàng Văn B nuôi dưỡng cháu Hoàng Thanh T, sinh ngày 8/7/2011, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét giải quyết.

Bà Nguyễn Thị B có trách nhiệm quản lý, chăm sóc, giáo dục cháu T khi anh B không có mặt tại gia đình. Chị P có quyền thăm mon con không ai được cản trở quyền này.

Về tài sản, công nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Lý Thị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành giao giấy triệu tập phiên tòa và quyết định xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho bị đơn anh Hoàng Văn B, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B1 nhưng anh B và bà B1 vẫn vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn chị Lý Thị P và các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa thì có cơ sở xác định như sau:

Chị Lý Thị P kết hôn anh Hoàng Văn B ngày 15/12/2011 trên cơ sở hai bên được tự do tìm hiểu, tự nguyện thỏa thuận, vợ chồng tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã A (nay là thị trấn A), huyện S, tỉnh Bắc Giang. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống cùng nhau ngay, tình cảm ban đầu hòa thuận, hạnh phúc, hiện vợ chồng đã có một con chung với nhau, do vậy cần xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Nay chị P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và giải quyết về nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và tài sản, công nợ chung; Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp về Hôn nhân và Gia đình là đúng quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Mâu thuẫn vợ chồng: Chị Lý Thị P xác định mâu thuẫn phát sinh cuối năm 2019 đầu năm 2020, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm, lối sống không thống nhất được với nhau trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình, ngoài ra anh Hoàng Văn B nghi ngờ chị có quan hệ ngoại tình với người khác. Dẫn đến vợ chồng hay cãi chửi nhau, đối xử lạnh nhạt và sống ly thân từ cuối tháng 01/2020, chị đã bỏ về bên ngoại ở thôn L, xã A, huyện S sinh sống và đi làm công nhân ở khu công nghiệp Vân Trung. Anh Hoàng Văn B cũng bỏ đi làm thuê ở thành

phố Bắc Giang từ thời điểm vợ chồng sống ly thân cuối tháng 01/2020, hai người không còn gặp nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, cuộc sống chung không thể hàn gắn được, không còn khả năng đoàn tụ, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh B được ly hôn.

Căn cứ vào lời khai của chị Lý Thị P, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, xét thấy tình trạng hôn nhân của chị Lý Thị P và anh Hoàng Văn B đã xảy ra căng thẳng trầm trọng, vợ chồng sống ly thân một thời gian dài, không còn quan tâm đến nhau, không có quan hệ tình cảm và không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị P xin ly hôn, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn, xử cho chị P và anh B được ly hôn là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Lý Thị P và anh Hoàng Văn B có một con chung là cháu Hoàng Thanh T, sinh ngày 8/7/2011, hiện tại con chung đang ở cùng anh B và ông bà nội, chị P đề nghị được giữ nguyên việc nuôi con như hiện nay. Cháu T có nguyện vọng được giao cho anh B nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị P không yêu Tòa án giải quyết.

Anh B vắng mặt trong quá trình làm việc và tại phiên tòa nhưng mẹ đẻ của anh B là bà Nguyễn Thị B1 hiện đang quản lý, nuôi dưỡng cháu T có ý kiến trình bày, anh B hàng tháng vẫn gửi tiền về cho vợ chồng bà từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng để vợ chồng bà nuôi cháu. Anh B nhận nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị P đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung, bà đề nghị Tòa án giao con chung cho anh B nuôi dưỡng. Bà sẽ có nghĩa vụ chăm sóc, quản lý và giáo dục cháu khi anh B không có mặt tại gia đình.

Xét thấy kể từ tháng 01/2020 khi chị P và anh B sống ly thân đến nay thì cháu T vẫn do anh B và bố mẹ đẻ anh B nuôi dưỡng ổn định. Mặt khác cháu T có ý kiến được giao cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, chị P có nguyện vọng giao con chung cho anh B chăm sóc, bà B1 hiện đang chăm sóc, quản lý cháu T nhận trách nhiệm quản lý giáo dục cháu khi anh B vắng mặt tại gia đình. Để đảm bảo quyền lợi của con trẻ, cần giữ nguyên việc nuôi con như hiện nay, giao cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng cháu T là

phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, bà B1 có trách nhiệm quản lý, giáo dục và chăm sóc cháu khi anh B không có mặt tại gia đình. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Chị Lý Thị P xác định vợ chồng không có tài sản chung, không liên quan vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, công nợ; do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Lý Thị P là người dân tộc thiểu số (dân tộc Cao Lan) sinh sống tại thôn, xã có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn của huyện Sơn Động thuộc trường hợp được miễn tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Tuy nhiên chị P không có đơn đề nghị được miễn tiền án phí trong quá trình giải quyết vụ án, chị P đề nghị được chịu án phí ly hôn theo quy định. Do vậy chị Lý Thị P phải chịu tiền án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 - Luật Hôn nhân và Gia đình. Khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho Chị Lý Thị P và anh Hoàng Văn B được ly hôn.

[2] Về con chung: Giao anh Hoàng Văn B trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Hoàng Thanh T, sinh ngày 8/7/2011, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết. Bà Nguyễn Thị B1 có trách nhiệm chăm sóc, quản lý, giáo dục cháu T khi anh B không có mặt tại gia đình.

Chị Lý Thị P có quyền thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở quyền thăm nom con của chị P.

[3] Về tài sản; công nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Lý Thị P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị P đã nộp số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí; lệ phí Tòa án số: AA/2010/007245 ngày 19/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang số tiền này được chuyển thành án phí.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh, huyện;
- UBND thị trấn A ;
- Chi cục THADS huyện Sơn Động;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Huy Biên

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Ngọc Ngát

Nguyễn Thị Bắc

Nguyễn Huy Biên

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Khôi

Nguyễn Thị Bắc

Nguyễn Huy Biên